

Bản án số: 18/2026/DS-ST
Ngày: 16-3-2026
*V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản, tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - KHÁNH HOÀ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hoa**

Bà **Nguyễn Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Khánh Hoà tham gia phiên tòa: Ông Trương Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2025/TLST-DS ngày 31/10/2025 và thụ lý bổ sung số 106/2025/TLST-DS ngày 09/12/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-DS ngày 28/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-DS ngày 13/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1990, có mặt.

Địa chỉ: thôn P, xã H, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Lê Văn A, sinh năm: 1980, bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa. Đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Thành T, sinh năm: 1990. Địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên trình bày:*

Do quen biết nên ngày 21/12/2019 âm lịch ông Lê Văn A có vay của bà Huỳnh Thị Hợp S tiền 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng). Năm 2020 ông Lê Văn A có mua hàng hoá của bà H là bánh kẹo, nước uống,...để sắm Tết với tổng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Sau đó, ông Lê Văn A có tự viết giấy xác nhận lại số tiền nợ nêu trên và hẹn hết ngày 20/3/2020 âm lịch (nhằm ngày 12/4/2020 dương lịch) trả đủ số tiền 6.100.000đ và ký tên Lê Văn A nhưng cho đến nay vẫn không trả cho bà. Tính đến ngày 13/3/2026, tiền gốc là 6.100.000đ và tiền lãi chậm trả 3.594.730đ (theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính

từ ngày 13/4/2020 đến ngày 13/3/2026 là 71 tháng), tổng cộng số tiền 9.694.730đ. Trong hồ sơ vụ án, bà có yêu cầu ông A và bà P cùng trả số tiền gốc 6.100.000đ và tiền lãi. Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu như sau:

- Yêu cầu ông Lê Văn A trả số tiền nợ gốc 5.100.000đ và tiền lãi 3.005.430đ.

- Yêu cầu ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Kim P trả số tiền nợ gốc 1.000.000đ và tiền lãi 589.300đ.

* Bị đơn ông Lê Văn A, bà Nguyễn Thị Kim P được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thành T có văn bản trình bày ý kiến: ông và bà H ly hôn vào năm 2022, trong năm 2020 bà H có cho ông A nợ số tiền 6.100.000đ là tiền riêng của bà H, ông không liên quan đến số tiền này, không liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Khánh Hòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể buộc ông A và bà P trả cho bà Hợp số tiền của hợp đồng mua bán tài sản, cụ thể: tiền gốc 1.000.000đ, tiền lãi 589.300đ (theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 13/4/2020 đến ngày 13/3/2026 là 71 tháng), tổng cộng số tiền 1.589.300đ. Buộc ông A trả cho bà Hợp số tiền của hợp đồng vay tài sản, cụ thể: tiền gốc 5.100.000đ, tiền lãi 3.005.430đ (theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 13/4/2020 đến ngày 13/3/2026 là 71 tháng), tổng cộng số tiền 8.105.430đ. Về án phí: Bị đơn ông Lê Văn A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là $8.105.430đ \times 5\% = 405.272đ$. Bị đơn ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Kim P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện từ nội dung buộc vợ chồng ông A, bà P cùng trả số tiền nợ gốc 6.100.000đ và tiền lãi thành yêu cầu buộc ông A trả số tiền nợ gốc 5.100.000đ và tiền lãi; buộc ông A và bà P cùng trả số tiền nợ gốc 1.000.000đ và tiền lãi. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền đã vay và mua hàng hoá nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng mua*

bán tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4-Khánh Hoà theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Về hợp đồng mua bán tài sản: Hình thức và nội dung giao dịch mua bán phù hợp với quy định pháp luật, cụ thể căn cứ nội dung giấy xác nhận của Lê Văn A lập và A ký tên thể hiện nội dung mua Tết 2020 số tiền 1.000.000đ, hạn trả ngày 20/3/2020 âm lịch (tức ngày 12/4/2020 dương lịch), loại hàng hoá (bún rau, chuối sấy, mực dâu, hộp chà là, nước coca, nước xá xị, bia, nhang thẻ, chao, thuốc 3 số, bánh ký) là nhu yếu phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên căn cứ khoản 20 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 117, Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Kim P cùng có nghĩa vụ trả nợ cụ thể: tiền gốc 1.000.000đ, tiền lãi chậm trả 589.300đ (theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 13/4/2020 đến ngày 13/3/2026 là 71 tháng), tổng cộng 1.589.300đ.

[3.2] Về hợp đồng vay tài sản: Hình thức và nội dung giao dịch vay tài sản phù hợp với quy định pháp luật, cụ thể căn cứ nội dung giấy xác nhận của Lê Văn A lập và A ký tên thể hiện nội dung ngày 21/12/2019 âm lịch Lê Văn A có mượn 5.100.000đ hết 20/3/2020 âm lịch trả (tức ngày 12/4/2020 dương lịch), nội dung không thể hiện mục đích vay tiền, không còn tài liệu nào khác thể hiện mục đích vay tiền phục vụ nhu cầu thiết yếu gia đình, Lê Văn A là người trực tiếp hỏi vay và nhận tiền vay nên bà H yêu cầu ông A trả số tiền này là có căn cứ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 117, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, buộc ông A phải trả số tiền nợ cụ thể: tiền gốc 5.100.000đ, tiền lãi 3.005.430đ (theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 13/4/2020 đến ngày 13/3/2026 là 71 tháng), tổng cộng số tiền 8.105.430đ

[4] Bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh theo quy định, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T xác định số tiền 6.100.000đ trong thời kỳ hôn nhân là tiền riêng của bà H nên căn cứ Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đủ cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Khánh Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bị đơn ông Lê Văn A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 8.105.430đ x 5% = 405.272đ. Bị đơn ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Kim P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. H1 lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 20 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Kim P trả cho bà Huỳnh Thị Hợp S tiền 1.589.300đ, trong đó tiền gốc 1.000.000đ, tiền lãi 589.300đ.

Buộc ông Lê Văn A trả cho bà Huỳnh Thị Hợp S tiền 8.105.430đ, trong đó tiền gốc 5.100.000đ, tiền lãi 3.005.430đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Bị đơn ông Lê Văn A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 405.272đ. Bị đơn ông Lê Văn A và bà Nguyễn Thị Kim P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

H1 lại cho bà Huỳnh Thị H 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002969 ngày 28/10/2025 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004376 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 4-Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu HS. AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Bích